

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 07/2020/HSST
Ngày 30 tháng 11 năm 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bành Trọng Bình và bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Quang Mười – chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2020/HSST ngày 11 tháng 11 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Công Q**, Sinh ngày: 12/4/2000, tại tỉnh Bình Dương;

Nơi cư trú: Khu dân cư P, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Công H, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2020 hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo có mặt.

Người bị hại: Anh Trần Văn N, sinh năm 1995

Trú tại: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Anh Trần Văn T (T chớ), sinh năm 2002

Trú tại: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Công H, sinh năm 1972 và chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1976;

Cùng trú tại: Khu dân cư P, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

Người làm chứng:

Anh Tôn Thanh T, sinh ngày 1965

Bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1969

Cùng trú tại: TDP H, thị trấn S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

(Người bị hại và người có quyền, nghĩa vụ liên quan có mặt, những người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước với Trần Văn T nên vào ngày 19/7/2020, Q bắt xe khách từ tỉnh Bình Dương đến thành phố Buôn Ma Thuột, rồi bắt xe ôm đến thị trấn Ea Súp, lúc đó là vào khoảng 21 giờ 00 cùng ngày. Q sử dụng điện thoại của mình gọi điện cho Trần Văn T ra đón. Do Q không có tiền trả tiền xe ôm nên sau khi gọi T xong thì Q đem chiếc điện thoại của Q bán lại cho một cửa hàng điện thoại di động tại thị trấn Ea Súp với giá 1.200.000đ, sau đó trả tiền xe ôm hết 300.000đ. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Văn N điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu SUZUKI, loại Raider, biển kiểm soát 47P1 - 244.85 chở T ngồi sau ra đón Q tại thị trấn Ea Súp. N tiếp tục điều khiển xe chở T ngồi giữa, Q ngồi sau cùng, đi về nhà nhà N. Tại nhà N mặc dù có 900.000đ tiêu xài, nhưng Q vẫn nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của T, nên nói với T đại ý có tiền cho anh mượn mấy trăm để mua đồ, nghe vậy thì T đưa cho Q mượn 500.000đ, thấy T vẫn còn tiền, nên Q nói tiếp “500.000đ thì tiêu gì được”, T đưa cho Q thêm 1.000.000đ. Một lúc sau, T hỏi Q cho T mượn lại 200.000đ để đi đánh bi a, Q đưa lại cho T 01 tờ tiền mệnh giá 200.000đ trong số tiền mà lúc trước T đưa Q. Tuy nhiên, sau đó mọi người không đi đánh bi a, T cũng không đưa lại 200.000đ cho Q. Như vậy, số tiền Q chiếm đoạt của T là 1.300.000 đồng, Q thừa nhận bản thân muốn chiếm đoạt và khi hỏi mượn thì không hề có ý định trả lại tiền cho T. Tiếp đó, Q nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô, loại Raider, biển kiểm soát 47P1 - 244.85 của anh Trần Văn N, nên đã nói dối N là trưa ngày hôm sau phải ra bến xe thị trấn Ea Súp lấy đồ vợ gửi, thì N đồng ý, thực tế Q chưa có vợ và cũng không có ai gửi đồ cho Q. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 20/7/2020, khi N đang ngủ trưa thì Q đánh thức N dậy để mượn xe. N đưa chìa khóa xe và chiếc xe mô tô, loại Raider, biển kiểm soát 47P1 - 244.85 cho Q, nhưng không đưa các giấy tờ xe cho Q. Để tạo lòng tin và tránh bị lộ sớm nên Q đã điều khiển xe Raider đi đến đón T, rồi chở T đi đến bến xe tại thị trấn Ea Súp, tuy nhiên không vào trong bến xe, mà ghé vào quán ăn Cát Tường nằm ở phía bên phải cổng bến xe (tính theo hướng từ ngoài vào). Khi ăn xong lúc này Q nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại SamSung J7 của T, nên đã nói với T là cho mượn điện thoại để liên hệ với nhà xe lấy đồ vợ gửi và mua Card điện thoại, nên T đã đồng ý cho Q mượn. Tiếp đó, Q cầm điện thoại và điều khiển xe Raider đi về hướng thành phố Buôn Ma Thuột, rồi về tỉnh Bình Dương, trên đường đi (không xác định được địa phận tỉnh nào) Q đã ghé vào một cửa hàng điện thoại (không rõ cửa hàng nào) bán chiếc điện thoại SamSung J7 chiếm đoạt được của T, với giá 500.000đ. Sau đó, Q tiếp tục đi về tỉnh Bình Dương, Q vào một quán Internet (không rõ quán nào) để lên mạng tìm người mua xe Raider, kết quả Q đã

liên hệ và nhắn tin trên mạng với một tài khoản (không nhớ tài khoản nào, của ai), thỏa thuận với giá mua bán là 6.000.000đ (sáu triệu đồng), hẹn thời gian giao xe là vào lúc 23 giờ cùng ngày tại cầu Ông Bó ở tỉnh Bình Dương. Khi đến địa điểm trên thì có một người đàn ông (không rõ lai lịch, đặc điểm) đến nhận xe và giao đủ tiền cho Q. Số tiền bán xe và điện thoại Q đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại biên bản định giá số 33 ngày 13/8/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ea Súp đã định giá:

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu SUZUKI, loại Raider, số máy: CGA1529402, số khung: RLSDLQQANKV129342, biển kiểm soát 47P1 - 244.85, trị giá **35.400.000** đồng (*Ba mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng*);

- 01 điện thoại di động SamSung J7, trị giá **800.000** đồng (*Tám trăm ngàn đồng*).

Trong quá trình điều tra, bố của Lê Công Q là ông Lê Công H đã bồi thường thiệt hại cho anh Trần Văn N 40.000.000đ và anh Trần Văn T 2.000.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã thông báo truy tìm xe mô tô biển kiểm soát 47P1-244.85 nhưng đến nay vẫn chưa tìm thấy xe mô tô biển kiểm soát 47P1-244.85. Về chiếc điện thoại SamSung J7 do Lê Công Q không nhớ đã bán ở đâu nên không thể truy tìm được.

Tại bản Cáo trạng số: 52/CT-VKS ngày 10/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp truy tố bị cáo Lê Công Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và bổ sung tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Công Q từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Văn N và anh Trần Văn T không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ea Súp và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét lời khai nhận tội của bị cáo Lê Công Q tại phiên tòa là phù hợp với nội dung của vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cũng như các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 19 và ngày 20/7/2020, với ý định nhằm chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47P1-244.85 nên bị cáo đã nói dối anh N mượn xe ra thị trấn Ea Súp để lấy đồ vợ gửi, thực chất Q chưa có vợ và cũng không có ai gửi đồ, sau đó Q đã đem xe xuống tỉnh Bình Dương bán cho một người không rõ địa chỉ với số tiền là 6.000.000đ, theo kết quả định giá thì chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47P1-244.85 của anh Trần Văn N trị giá là **35.400.000** đồng. Ngoài ra cũng trong ngày 19 và ngày 20/7/2020 Q còn có hành vi gian dối chiếm đoạt của anh Trần Văn T số tiền 1.300.000đ và 01 chiếc điện thoại điện thoại di động SamSung J7, trị giá **800.000** đồng, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của anh T là 2.100.000đ. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Đối với bị cáo Lê Công Q khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ nhận thức để điều khiển hành vi của mình, song với ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu sài nhưng lười lao động nên đã dùng thủ đoạn gian dối để nhằm chiếm đoạt tài sản của anh Trần Văn N và anh Trần Văn T. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo với mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Xét tội danh mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội, có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền được bảo vệ về tài sản của người khác và cũng nhằm mục đích đấu tranh phòng ngừa chung.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Tình tiết tăng nặng: bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, s khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS cụ thể: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền trị giá chiếc xe cho người bị hại anh Trần Văn N và tiền cũng như trị giá chiếc điện thoại cho anh Trần Văn T, những người bị hại có

đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[3] Các biện pháp tư pháp

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bị cáo Lê Công Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Lê Công Q** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

1. **Về hình phạt:** Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, h, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Công Q **09 (Chín)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 28/8/2020.

2. **Các biện pháp tư pháp:**

- **Về trách nhiệm dân sự:** Người bị hại không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

3. **Về án phí:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Công Q phải chịu 200.000đ án phí HSST.

4. **Quyền kháng cáo:** Bị cáo, người bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ea Súp
- Công an huyện Ea Súp
- Tòa án tỉnh Đắk Lắk
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk
- Chi cục THADS huyện Ea Súp
- Thi hành án HS
- Các đương sự
- Lưu HS

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên